Số: 10/QĐ-VKS; 11/07/2025; 17:31:03;

VIỆN KSND TỐI CAO
VIỆN KSND TỈNH HÀ TĨNH

ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-VKS ngày 11/7/2025 của VKSND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán toàn ngành	Quản lý hành chính						Sự nghiệp giáo dục đào tạo								Sự nghiệp khoa học công nghệ (Không tự chủ)(loại 100-103)	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
			Loại 340-341	Loại 340-341 (Vốn trong nước)	Kinh phí tự chủ (nguồn 13)	Không tự chủ (nguồn 12)	Không tự chủ (nguồn 18)	Loại 340-341 (Vốn nước ngoài)	Cộng giáo dục đào tạo	Loại 070-081	Trong đó		Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ, công chức					
											KP giao tự chủ	KP không tự chủ	Loại 070-085	Hỗ trợ đào tạo sau đại học	Tổng cộng đào tạo trong nước	Đạo tạo nước ngoài		
1	2	3	4	5	7	8	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	**Dự toán được giao**	**17.138.470.794**	**17.138.470.794**	**17.138.470.794**	**15.873.470.794**	**425.773.800**	**1.265.000.000**						**-**					
1	Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh (+)	17.564.244.594	17.564.244.594	17.564.244.594	15.873.470.794	425.773.800	1.265.000.000		-									
II	**Dự toán điều chỉnh giảm (-)**	**-**	**-**	**-**	**15.873.470.794**	**425.773.800**	**1.265.000.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**					
1	Văn phòng Viện KSND tỉnh																	
2	Viện KSND thành phố HT				1.614.107.000	62.958.000	134.000.000											
3	Viện KSND huyện Thạch Hà				1.140.709.222	34.915.000	108.800.000											
4	Viện KSND huyệnCẩm Xuyên				1.329.225.855	49.553.000	106.100.000											
5	Viện KSND huyện Kỳ Anh				1.181.168.017	29.397.000	92.900.000											
6	Viện KSND TX Kỳ Anh				1.256.156.342	34.577.000	105.000.000											
7	Viện KSND TX Hồng Lĩnh				1.122.793.848	29.274.000	86.300.000											
8	Viện KSND huyện Nghi Xuân				1.582.745.801	33.552.000	128.200.000											
9	Viện KSND huyện Đức Thọ				1.369.902.443	32.854.000	104.000.000											
10	Viện KSND huyện Can Lộc				1.398.709.327	29.309.000	114.300.000											
11	Viện KSND huyện Hương Khê				1.489.725.220	29.525.000	106.200.000											
12	Viện KSND huyện Hương Sơn				1.404.507.357	43.175.000	107.700.000											
13	Viện KSND huyện Vũ Quang				983.720.362	16.684.800	71.500.000											